

Cảm Ứng Thiên Vựng Biên

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(Bài 19)

(Chánh văn 19 tiếp theo): Trung hiếu.

(Nghĩa là: Trung hiếu).

Luận về lòng nhân (tiếp theo)

(Nhạc)

Cá to, cá con bị chết ngay trong thai, gà mẹ dẫn gà con, xòe cánh ấp trứng, cỏ cây tươi tốt do cây vào rễ mầm, mỗi mỗi đều dính đến hiếu để, ắt phải nghĩ đến chuyện tận lực giúp đỡ khi chúng gặp cảnh khốn cùng, bảo vệ cho toàn thể được sống sót linh động như thế¹.

¹ Nguyên văn “Côn nhi thai yếu, tương sô dục noãn, thảo anh mộc tú, đới căn khóu nha, nhất nhất chàng trước hiếu để, tắc tất tư sở dĩ nhu mạt chi”.

Côn (鯢) là con cá to trong sách Trang Tử, giống như loài kinh ngư, có thể hóa thành chim bằng bay vạn dặm. Nhi (鯉) là loài cá bé. Sô (雛) là con chim non, gà con, “dục noãn” (翼卵) là xòe cánh ấp trứng.

“Nhu mạt” (濡沫) là dùng nước dãi để cho một vật khác được thấm ướt, giống như cá mắc cạn bèn nhả nước rãi cho nó được sống. Điều này tỷ dụ chuyện tận lực giúp đỡ người khác trong cảnh khốn cùng.

Câu này hơi khó hiểu, chúng tôi xin dẫn lời giảng của ông Hoàng Bách Lâm như sau: Phải mở rộng lòng hiếu để, đối với những loài động vật lẫn thực vật, phải đối đãi bằng tấm lòng giống như gà mẹ dẫn dắt gà con, như gà mẹ nâng niu xòe cánh ấp trứng, ngăn dứt những chỗ khiến cho trứng, cá con của những loài cá tránh khỏi nguy cơ bị đoạn diệt, bảo vệ mầm rễ của các loài thảo mộc cho

Đúng là “*thiên thiên linh, địa địa ứng*” (trời hằng ngày đều linh, đất nơi nào cũng ứng).

Cho đến mọi rợ, các thứ dị loại, hễ là người có tâm huyết, [sẽ cảm nhận] không gì chẳng có sự liên quan [đến chính mình, như thế thì] làm sao bắt nhân cho được?

Thường thấy những bậc hiếu tử từ xưa, hoặc là các thứ chim dữ chẳng tấn công, thú dữ chẳng vồ người ấy, sao sáng, mây lành, điềm tốt lành ứng hiện, há chẳng phải là do thuận theo đức hạnh mà thành ra như thế ư?

Trời đất vận hành thuận lý; vì thế, mặt trời, mặt trăng chẳng vận hành sai lạc, bốn mùa chẳng sai lạc.

Thánh nhân cư xử thuận theo lý, hình phạt rõ ràng, công bằng, dân chúng phục tùng, một bầu hòa thuận. [Sự hiếu để ấy khác nào] trân trọng dâng cúng Thượng Đế, trời đất đầy ấp sự nhân ái; [sự hiếu để ấy khác nào] cúng quải tổ tông [bằng cỗ bàn thịnh soạn]². Lòng hiếu thảo với cha mẹ đều ở tại nơi đây. Ngoài những điều này ra, chẳng có chuyện gì khác nữa.

chúng luôn được xum xuê, giúp đỡ cho chúng được sống sót trong những hiểm cảnh. Mỗi điều ấy đều nhằm khảo nghiệm tâm lòng hiếu để của chúng ta.

² Nguyên văn “*nhất đoạn hòa dự khí tượng, ân tiến Thượng Đế, nhi nhân thiên địa, phối tổ khảo*”, chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của ông Hoàng Bách Lâm: Theo đó, “*ân tiến Thượng Đế*” (殷薦上帝) nghĩa là dùng những thứ đẹp nhất, ca nhạc hay nhất dâng lên Thượng Đế. Ở đây, phải hiểu “*ân tiến Thượng Đế*” chính là do có lòng hiếu để, thuận theo lòng trời, đẹp lòng trời, nên sự hiếu để ấy chẳng khác gì đã phụng hiến Thượng Đế trang trọng nhất.

“*Nhân thiên địa*” (仁天地) là khắp trời đất đều là một bầu nhân ái.

“*Phối tổ khảo*” (配祖考) là thờ cúng tổ tông, tổ (祖) là ông nội, khảo (考) là danh xưng để gọi cha đã khuất. Lòng hiếu để khiến con cháu thuận hòa, dòng dõi hưng thịnh, đẹp lòng tổ tiên, khác nào đã cúng dường ông bà tổ tiên bằng những vật thực ngon lành, trọng hậu nhất. Hoặc có thể hiểu: Lòng hiếu hạnh,

Mạnh Tử nói: “*Nghiêu Thuân, hiếu để nhi dĩ hỹ* (Đạo của Nghiêu, Thuân là hiếu để mà thôi). Lại nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ*” (Đạo học vấn chẳng có gì khác, cầu sao thấu hỏi cái tâm buông lung đó thôi).

Hai điều “*mà thôi*” ấy liên quan khít khao với nhau. Nếu hiếu để, chẳng thể nào không tìm lại cái tâm đã đánh mất vì buông lung. Hễ tìm lại cái tâm buông lung, sẽ không thể nào chẳng hiếu để! Chẳng phải là đã hoàn tất một chuyện, thì trăm điều cũng sẽ hoàn tất ư? Bởi lẽ, tâm chẳng phải là quả tim trong lòng ngực, mà vốn là ôn hòa, hoan hỷ, vốn là lòng trắc ẩn, xót xa, vốn là tự nhiên sống động.

Trời khoáng khoáng, đất mênh mông, tâm nhãn trọn khai; trời tối, đất đen, [sẽ khiến cho tâm người ta cảm thấy] sâu loạn, lạng lẽ. [Điều ấy chứng tỏ] trời đất và tâm là một³. [Ngắm nhìn] cỏ xanh non, cây cao vót, chim rĩa lông, nai nằm, [sẽ cảm thấy] vui sướng vô hạn. [Trông thấy] núi non sụp đổ, hao khuyết, [trông thấy] kẻ hung ác, thú dữ [khiến cho chúng sanh] bị chết yểu, [chúng ta sẽ cảm nhận sự] thê lương, kinh hoàng vô hạn. Đây chính là vạn vật có cùng một tâm.

Bỏ điều này để đắm đuối những thứ tiện nghi, cầu lợi khi người khác bị tai ương, vui mừng vì kẻ khác mắc họa, như thế sẽ gọi là “*buông lung cái tâm*”. Nếu chẳng phải vậy, thì cái tâm mong cầu tiếng tăm, cái tâm ghét bỏ tiếng tăm xấu ác, cái tâm ham học rộng rãi, tràn lan nhiều thứ, cái tâm yêu chuộng

hòa thuận với anh em là những lễ vật đẹp đẽ nhất, trang trọng nhất, quý báu nhất để dâng lên Thượng Đế, tổ tiên.

³ Câu này nhằm nói hoàn cảnh bên ngoài có thể ảnh hưởng đến tâm tình của phàm nhân, biểu thị hoàn cảnh bên ngoài và cái tâm có cùng một Thể.

tô điểm tiếng tăm, cái tâm khô khan giữ lấy sự lặng lẽ⁴, cũng đều gọi là “*tâm buông lung*”. Vì sao? [Những cái tâm như vậy] đều chẳng thuộc vào cái tâm sống động (tức là chân tâm) của ta.

Do vậy, trong phần trước đã nói phân minh: “*Nhân là cái tâm của con người*”⁵. Hiếu đễ là sự thấu lộ đầu tiên từ căn cội lòng nhân, là sự xum xuê tươi tốt bậc nhất. Từ chỗ này, do cội rễ nuôi sống, [dưỡng chất sẽ] thông thấu cành, lá, ngàn vạn đoá hoa cùng một lúc nở chi chít, như trong một thân người, tai nghe, mắt thấy, tay cầm, chân đi, không gì chẳng phải là một bầu hòa thuận.

Sự tu dưỡng của Đạo gia chỉ là luyện thân khí cho thuần thực, hễ “*thủ nhất*”⁶, chuyện trường sanh sẽ dễ dàng thực hiện được. Ấy là vì một chỗ đã linh thì ngay cả các đốt xương cũng đều linh.

Hiếu đễ đối với trời, đất, người, vật cũng thế, nó cũng là thân khí nơi toàn thân, chính là chỗ trọng yếu trong thuật

⁴ “Sự lặng lẽ”: Tức là cái tâm chấp vào sự không tịch thiên lệch của hàng Nhi Thừa.

⁵ Theo ông Hoàng Bách Lâm câu này phải hiểu theo sự biểu thị pháp là: Lòng nhân chính là Tánh Đức sẵn có của mỗi người.

⁶ “*Thủ nhất*” (守一) là từ ngữ xuất phát từ câu nói “*thiên địa hữu quan, âm dương hữu tàng, thận thủ nhữ thân, vật tương tự tráng, ngã thủ kỳ nhất, thiên nhị bách tuế hỹ*” (trời đất đều có chủ tể, âm dương hòa hợp trong tạng phủ, hãy cẩn thận giữ gìn cái thân người, đừng nên tàn hại nó, ta giữ được nhất tâm thì có thể sống đến một ngàn hai trăm năm).

Đạo gia dùng khái niệm “*thủ nhất*” để chỉ trạng thái đạt được đến cái tâm không tạp niệm, chuyên nhất một cảnh. Nếu hiểu theo mức độ cao hơn, “*thủ nhất*” tương ứng với “*trụ trong chân tâm*” của Phật giáo.

luyện đan [tu dưỡng] của Đạo gia⁷. Hễ tu luyện từ chỗ trọng yếu ấy, sẽ thoát phàm thành thánh trong khoảnh khắc, chẳng còn phải [tu luyện công phu] điều hòa nơi các đốt xương nữa.

Do vậy, hạ một lời chuyển ngữ rằng: “*Đạo học vấn chỉ là lòng nhân mà thôi. Đạo của lòng nhân chỉ là hiếu để mà thôi*”. Do vậy, hai chữ “*mà thôi*” tương quan khít khao, chẳng có dấu vết vậy!

Ông [Nhan Quang Trung] lại nói:

- Sở dĩ thiên hạ rối bời không an tĩnh chỉ là vì tâm tư, khí thể cường mãnh, nóng giận bộc phát, ra sức đấu đá, xông xáo xung đột tấn công để tranh giành. Cuộc chiến Trác Lộc⁸, thất

⁷ Theo ông Hoàng Bách Lâm, ở đây, ông Nhan Quang Trung không nhằm ca ngợi thuật tu luyện đan của Đạo gia, mà chỉ dùng cách nói của họ, với ngụ ý: Do hiếu để đạt đến tột bậc, sẽ chứng nhập Nhất Chân pháp giới, tức là đã chuyển phàm thành thánh, thoát ly mười pháp giới, trở thành Pháp Thân đại sĩ. Ông Nhan Quang Trung tạm tỷ dụ chuyện này giống như trong Đạo gia, khi tu luyện đến mức nội đan và ngoại đan hợp nhất, sẽ thoát thai hoá cốt đăng tiên. Ông Nhan Quang Trung dùng tỷ dụ này để nói với người bình phàm cho dễ hiểu đó thôi!

⁸ Trận chiến Trác Lộc là cuộc chiến quyết định thắng bại giữa liên minh Hữu Hùng Thị Hoàng Đế và Thần Nông Thị Viêm Đế đánh bại tộc Cửu Lê dưới sự lãnh đạo của Xi Vưu.

Hoàng Đế là thủ lĩnh của các bộ lạc Hoa Hạ, chiếm cứ vùng Trung Nguyên vốn là địa bàn của tộc Cửu Lê, nay thuộc địa bàn các tỉnh Hà Nam, Hà Bắc, và Sơn Đông.

Cuộc quyết chiến nổ ra ở cánh đồng Trác Lộc. Theo truyền thuyết, ba người con của Xi Vưu đã chia các bộ tộc thành ba cánh. Một cánh chạy xuống miền Nam, trở thành tộc Tam Miêu, một cánh chạy lên miền Bắc, số người còn lại vẫn ở Trác Lộc, và bị đồng hóa với bộ tộc của Viêm Hoàng.

Để biện minh cho hành động cướp bóc, lấn đoạt của người Hoa Hạ, sử Trung Hoa thường tô vẽ Xi Vưu như một kẻ hung bạo, nửa người nửa thú, độc tài,

hùng giận dữ thét gào⁹, tiếng trống thúc quân phản loạn chốn Ngư Dương¹⁰.

thiện chiến, sử dụng phù phép, mưu toan phản loạn chống lại liên minh Viêm Đế nên bị chinh phạt.

Một số các sắc dân ở Đông Á vẫn coi Xi Vưu là thủy tổ, chẳng hạn như người H'mong (mà ta thường gọi là người Mèo) coi họ là con cháu của Xi Vưu, dân Đại Hàn tôn Xi Vưu là quốc tổ.

⁹ Nguyên văn “*thất hùng hao hám*”, “*thất hùng*” (七雄) là bảy nước chư hầu hùng mạnh thời Chiến Quốc, đánh nhau liên miên nhằm tranh hùng xưng bá, tức Tần, Sở, Yên, Triệu, Ngụy, Hàn, và Tề. “*Hao hám*” (虎鬪) là thành ngữ phát xuất từ câu thơ “*hám như hao hổ*” (gào thét như con hổ đang giận dữ) trong bài Thường Vũ thuộc phần Đại Nhã của kinh Thi. Sử gia Ban Cố đã dùng cách nói “*thất hùng hao hám*” để phê phán tánh đam mê quyền lực, tranh đấu dữ dội của bảy nước chư hầu thời cổ.

¹⁰ Nguyên văn “*hoàng trì ngư dương chi bễ cổ*”. “*Hoàng trì*” (潢池) theo nghĩa đen là cái ao của hoàng đế, thường dùng theo nghĩa bóng là “lãnh thổ của hoàng đế”. Lại có câu thành ngữ “*hoàng trì lộng binh*” (múa may vũ khí trong cái ao của hoàng đế), hiểu theo nghĩa rộng là dấy binh làm phản triều đình.

Ngư Dương nay là huyện Kê thuộc thành phố Thiên Tân. Năm 755, dưới đời Đường Huyền Tông, An Lộc Sơn khởi binh dấy loạn tại Ngư Dương.

“*Bễ cổ*” (鼙鼓) là cái trống nhỏ do kỵ binh thường cầm, mỗi khi xung trận, họ gõ âm lên để thôi thúc tinh thần chiến đấu.

Toàn bộ câu “*hoàng trì ngư dương chi bễ cổ*” đã dựa theo ý thơ của Bạch Cư Dị: “*Ngư Dương bễ cổ động địa lai, kinh phá nghệ thường vũ y khúc*” (Trống trận Ngư Dương rền cõi đất, kinh hoàng nghệ thường khúc múa tan).

“*Nghê thường vũ y khúc*” là một khúc ca múa do Đường Huyền Tông chế ra sau khi nằm mộng thấy chính mình lên chơi cung trăng. Ông cho các cung nữ mặc xiêm áo rực rỡ như bảy sắc cầu vồng, gọi là “nghê thường y”. Vũ khúc được gọi là “vũ y khúc”, nghĩa là khúc hát múa của những người mặc áo kết bằng lông chim, tức tiên nữ.

Hãy xem kẻ chỉ trong một hơi thở lật nhào đất trời là gì vậy? Họ thoát đầu chỉ vì đôi chút lòng hung hăng, giận dữ chen ngang trong lồng ngực, dần dần sôi sục, nuốt xuống chẳng được, thế là kháng cự cha anh, ngạo mạn bậc trưởng thượng.

Đây là mầm cội của sự kháng cự, ngạo mạn, sẽ trở thành kèm kẹp quan trường, giết người vui thây để báo cừu, sẽ là kéo bè tụ đảng những kẻ bất đắc chí [để cướp bóc, hoành hành].

Vì thế, Dịch Truyện¹¹ có câu: “*Tụng tất hữu chúng khởi*” (Thừa kiện là phải do nhiều người đẩy lên). Không chỉ là thừa kiện lên quan trên, mà trong nhà mình cũng tỏ lộ nổi thị phi, có cái tâm tranh đoạt thua thắng, đã bộc lộ khí thế hung hãn hoành hành¹².

Vua Nghiêu bảo Đan Châu¹³: “*Khí tụng khả hồ?*” (Có nên chẳng trung tín và hay tranh chấp hay chăng?);

Vua Vũ lại răn rằng: “*Nhược vô Đan Châu ngạo*” (Đừng nên ngạo mạn như Đan Châu).

Xét ra, một chữ Tụng (訟, thừa kiện), chỉ là vì một chữ Ngạo (傲, ngạo mạn). Vì thế, thờ cha mẹ mà ngạo mạn, ắt

¹¹ Dịch Truyện là phần chú giải của kinh Dịch, tức phần Thập Dục.

¹² Nguyên văn “*quyết trương hoành hành*”, “*quyết trương*” (蹶張) có nghĩa gốc là dùng chân đạp lên loại nỏ cứng để bắn tên. Từ ngữ này thường được dùng với ý nghĩa người có sức mạnh, hung hăng thể hiện sự oai vũ.

¹³ Đan Châu là con trai của vua Nghiêu. Ông này tên là Châu, nhưng do được phong ở đất Đan Thủy, nên thường gọi gộp chung là Đan Châu. Đan Châu tánh tình ngạo mạn, hoang dã.

chẳng thể trọn hiếu được! Phụng sự bề trên mà ngạo mạn, ắt chẳng thể trung. Cai trị dân chúng mà ngạo mạn, ắt chẳng thể có lòng nhân. Chỉ do một chữ Ngạo, sẽ thuộc về hạng câu kết làm ác, bất tài, chẳng thể giải cứu!

Vì thế, bậc quân tử có đại đạo, hễ kiêu căng, ngạo mạn, ắt sẽ đánh mất [đại đạo ấy].

Kẻ kiêu căng, tự cao, ngạo mạn, quý mình, khinh người, tự cho mình là đúng, coi người khác là sai bét, thấy mình là trí huệ, kẻ khác ngu đần, há có tâm tình gì để mưu tính tạo lợi ích, trừ điều hại cho dân, nghĩ đến sự bệnh khổ của dân chúng ư?

[Nội dung của] sách Đại Học, từ “*tề gia*” cho đến “*bình thiên hạ*” đều chẳng ngoài “*hiếu, đễ, từ*”. Do vậy, kẻ kiêu căng rõ ràng là bất hiếu, bất đễ (chẳng hòa thuận, chẳng nhường nhịn anh em), chẳng Từ; nhưng tuy là bất hiếu, bất đễ, bất từ, rốt cuộc chẳng giống với người khác. Vì thế, tuy có kẻ hết sức ương bướng, nhưng không thể nào chẳng phục tùng cha mẹ; có kẻ tột cùng hung hăng, nhưng không thể nào chẳng khuất phục trước bậc tôn trưởng. Đó là thiên tánh chẳng thể nào cải bỏ được!

Thử xem những kẻ bất hiếu, đến trước người khác cũng sẽ tự kiềm chế, thu liễm đôi chút. Nếu để cho kẻ ấy ngồi, cha hẳn phải đứng, chắc chắn hẳn sẽ bất an. Nếu như lại bảo hẳn là kẻ hiếu thảo, hẳn sẽ vui vẻ; chê hẳn là đứa bất hiếu, hẳn sẽ tức giận. Đây cũng là vì căn cội làm người chưa bị đứt mất. Chỗ chưa bị đoạn đứt ấy chính là chỗ để dung nhập thiên tánh, có thể tiếp nhận sự cảm hóa của ta. Vì vậy, đối với con hiếu, em hòa, hễ được khơi gợi từ chỗ này, sẽ có thể chuyển biến.

Như Trịnh Trang Công đã từ bỏ mẹ ruột của chính mình, [trông thấy] Dĩnh Khảo Thúc ăn thịt bèn chữa lại [để đem về] biếu mẹ, hết sức liên quan đến chuyện của nhà vua, bèn hoàn toàn hồi hận, tỉnh ngộ¹⁴.

Lại như Tử Cao cư tang, khóc ra máu suốt ba năm, chưa từng nhe răng cười, há còn tham dự vào việc cai trị trong huyện Thành ư? Nhưng xứ Thành có kẻ tuy anh mình đã chết [mà chẳng đau buồn, không mặc tang phục], do Tử Cao [trở thành quan huyện], người ấy bèn mặc tang phục. Trong lúc ấy, chẳng biết vì sao cảm, vì sao ứng, [cái tâm của Tử Cao] không có hình tướng mà tiếp xúc, lay động [kẻ đó] tận tim phổi, tức là nếu không do thiên tánh xui khiến, sẽ không thể làm như vậy được!

Xưa kia có ông Thí Hữu, anh em tranh nhau ruộng đất. Do Thí Hữu có lần cùng ngồi thuyền với Nghiêm Phượng, nhắc đến chuyện [tranh chấp] tài sản, ông Phượng không

¹⁴ Trịnh Trang Công (Cơ Ngụ Sanh) là vua nước Trịnh, là con của Trịnh Vũ Công (là Cơ Quật Đột).

Trịnh Trang Công có người em cùng mẹ tên là Cơ Đoạn; do Cơ Đoạn được phong thái ấp ở Kinh Ấp, nên thường gọi là Thái Thúc Đoạn (Thúc có nghĩa là em trai thứ). Do được mẹ là Vũ Khương nuông chiều, Thái Thúc Đoạn âm mưu với mẹ làm phản hòng đoạt ngôi của Trịnh Trang Công. Sự việc thất bại, Thúc Đoạn phải trốn sang đất Cộng, nên lại gọi là Cộng Thúc Đoạn.

Trịnh Trang Công tức giận, sai người giam lỏng mẹ, tuyên cáo từ bỏ mẹ, và thề độc: “Chỉ nhìn lại mặt mẹ khi nào xuống suối vàng”.

Có lần vua đãi yến cho quan đại phu Dĩnh Khảo Thúc. Trong yến tiệc có món thịt, Dĩnh Khảo Thúc không ăn, mà cẩn thận gói lại. Vua hỏi vì sao, Dĩnh Khảo Thúc thưa: “Thần bỗng lộc kém, không thể thường xuyên mua thịt cho mẹ ăn được. Nay có món ngon, không nỡ hưởng riêng, nên chữa lại đem về biếu mẹ”. Vua cảm động, hồi hận, nhân đó, hỏi Dĩnh Khảo Thúc tìm cách nào tha lỗi cho mẹ mình. Để vua khỏi trái với lời thề, Dĩnh Khảo Thúc bày kế, đào hố sâu dưới đất, vua xuống đó gặp mẹ, công về phụng dưỡng.

ngừng gạt lệ. Ông Hữu hết sức cảm ngộ, những chuyện như vậy đều chó nên phô ra. Nhà ông Nghiêm hiếu thảo, hòa thuận, việc gì phải quản chuyện nhà ông Thí mà nước mắt đầm đìa; nào có biết từng giọt lệ ấy đã thấm vào lòng ông Thí!

Nói chung, trong vòng trời đất, kẻ xử sự theo sự xung động của tình cảm, kẻ kèn cựa, kẻ so đo, sẽ đều phát sanh xung đột với người khác, [đó là] do chẳng có căn bản, [cho nên] không làm sao được, [bởi lẽ, kẻ ấy] chẳng tự biết.

Riêng người có thể khiến cho kẻ khác cảm động, dẫu sanh trong hoàn cảnh nào, [dẫu] là kẻ ngu nhất, nghèo hèn nhất, nhưng là một đứa con có hiếu, há mọi người chẳng ca ngợi, chẳng kính phục, hoặc ngấm ngầm thẹn với kẻ ấy ư? Khi có lòng kính trọng, thẹn thùng đối với kẻ ấy, đúng là cái tâm hung hãn sẽ lắng xuống, cái tâm bộp chộp sẽ tan đi, sẽ là cảnh giới một bầu đáng mến, đáng yêu.

Trong một nhà thì nhà ấy bình yên, trong thiên hạ thì thiên hạ thanh bình. Trên là đến quan trưởng, cho đến quân vương, tể tướng, quyền lực càng lớn, [càng có sức] cổ vũ, khuyến dụ đại chúng [to lớn], há lẽ nào chẳng khiến cho khắp thiên hạ đều là con hiếu, em hiền ư?

Vì thế nói: “*Nhất gia nhân, nhất quốc hưng nhân*” (Một nhà nhân từ sẽ khiến cho cả nước đều dấy lên lòng nhân).

Lại nói: “*Nghiêu Thuấn soái thiên hạ dĩ nhân, nhi dân tùng chi*” (Vua Nghiêu, vua Thuấn dùng lòng nhân để dắt dìu thiên hạ, dân chúng đều vâng theo), then chốt ở ngay chỗ này.

Khi phong tục trong thiên hạ bại hoại, nói chung là do [chính mình] trước hết đã làm hỏng con em của mình. Khi nhân phẩm, tâm thuật bại hoại, nói chung cũng là do trước hết [phụ huynh] đã làm hỏng con em.

Từ bé, [nếu trẻ] đã có tánh sai trái, hung tợn chẳng thể dung túng được, hơi có chút tài năng đã chẳng thể thâm liêm, thì khi đến lúc trưởng thành, [chúng nó] sẽ nảy sinh [những chuyện tồi tệ] không thể hình dung được, chẳng thể chịu đựng được! Từ xưa, chuyện quét dọn, ứng đối, châu chực bên án, đứng hầu¹⁵, đều nhằm tiêu trừ cái tâm cường mãnh của con em, khiến cho chúng nó tử mỉ, tinh tế.

Lại như con của thiên tử, [khi vào trường học], sẽ chiêu theo độ tuổi mà xưng hô khiêm tốn với các bạn học. Nói “*quân tại tắc lễ nhiên, phụ tại tắc lễ nhiên, trưởng tại tắc lễ nhiên*” (hễ vua hiện diện bèn giữ đúng lễ quân thần, hễ cha hiện diện bèn giữ đúng lễ nghi giữa cha con, hễ người trên có mặt thì giữ đúng lễ nghĩa giữa người trên kẻ dưới) là có ý nghĩa như thế nào?

Chẳng lo thiên hạ không có kẻ tài cán, mà lo âu họ chẳng có tánh chân thật. Chẳng lo không thể làm vua, cha, thầy, mà lo không thể làm đệ tử tốt lành!

¹⁵ “Đứng hầu”: Đây là cách giáo dục trong Nho gia theo giáo huấn trong Châu Tử Trị Gia Cách Ngôn: Con em từ thuở lên ba, hằng ngày phải dậy sớm, quét dọn trong ngoài cho sạch sẽ, giữ tánh tiết kiệm, không phung phí vật thực, luôn nghĩ hạt cơm manh áo là công khó của bao nhiêu người.

Cha mẹ, người trên hễ gọi liền dạ, nghe lời dạy bèn vâng. Người trên hỏi đến phải thưa gởi rành rẽ, không dối trá, quanh co, đó gọi là “*ứng đối*” (應對).

Khi cha mẹ, bề trên ngồi, con em phải đứng bên cạnh chờ xem có gì sai bảo. Cha mẹ cho ngồi mới được ngồi. Đó gọi là “*thị lập*” (侍立, có nghĩa là đứng hầu).

Luôn chú ý coi cha mẹ, người bề trên có gì cần dùng, sai phái sẽ nhanh chóng thực hiện, đó gọi là “*phụng kỷ*” (奉几, là hầu bên bàn). Theo chú giải, “*kỷ*” phải hiểu là “*kỷ án*” (几案) tức cái bàn nhỏ.

Dùng đạo làm con để lãnh đạo thì chỗ nào cũng sẽ có ý nghĩ phụng sự, thương tiếc. Dùng đạo làm em để lãnh đạo thì khắp nơi sẽ đều có ý nghĩ: “*Hễ cày cấy bèn có thể nương ruộng, đi lại sẽ có thể nương đường*”.

Xưa kia, vua Thuấn, vua Vũ có được thiên hạ, thiên hạ mới âu ca, [các vị vua ấy] xét xử, [được quan lại] châu hầu tột bậc hiền hách, nhưng vua Thuấn tự coi mình bất quá là kẻ nghèo cùng của họ Hữu Ngu. Giếng, kho vẫn còn¹⁶, chỉ là chẳng thấy vận tải lương thực nữa! [Vua Thuấn] gào khóc ngoài đồng, mới hận không nơi giải bày [nỗi niềm buồn bực vì mình chưa đủ hiếu thảo để cảm động cha mẹ], mà thiên hạ đã được bình trị.

Vua Vũ tự thấy mình bất quá là đứa con của tội nhân ở Vũ Sơn¹⁷, chẳng chuộc được nỗi đau của cha, sóng lớn kinh

¹⁶ Vua Thuấn là người thuộc bộ tộc Hữu Ngu, mẹ mất sớm. Cha là Cỗ Tẩu lấy mẹ kế, sanh được một đứa con trai, đặt tên là Trọng. Cha nghe lời mẹ kế, toan giết hại vua Thuấn nhiều lần. Có lần, Cỗ Tẩu sai vua Thuấn sửa chữa kho chứa lúa, rồi rút mất thang, đốt kho cho vua Thuấn chết cháy, nhưng vua Thuấn thoát thân được.

Cỗ Tẩu lại sai vua Thuấn đào giếng, rồi lấp giếng cho vua Thuấn chết ngộp, nhưng vua Thuấn theo khe ngách thoát ra được. Ông không oán hận cha và dì ghẻ ác độc, chỉ tự trách mình bạc đức, chẳng trọn hiếu đến nỗi bị ghét bỏ.

Cỗ Tẩu (瞽叟) có nghĩa là “ông già mù”, nhưng các nhà chú giải cho rằng đó là cách gọi bóng bẩy của cỗ nhân nhằm chê trách một ông già có tầm nhìn thiên cận, mù quáng.

¹⁷ Cha vua Vũ là Đại Cỗn được vua Thuấn sai trị thủy (làm công tác thủy lợi để chống nạn lụt), không thành công, bị vua Thuấn kết tội, bị giết tại Vũ Sơn.

ron tận xương. Giữa đường gặp tội nhân, bất giác lệ tuôn mấy lượt¹⁸, thế mà thiên hạ lại được bình trị.

Cho đến Văn Vương, Vũ Vương, lòng hiếu thảo đều là như thế. Vua (Văn Vương) vẫn hằng ngày đến châu nơi tẩm môn của Vương Quý [để thỉnh an] ba lượt. Vẫn đối với mọi chuyện đều quan tâm tới từng hơi thở nặng nề của cha, lúc nào cũng vâng theo lời giáo huấn¹⁹.

Vì thế nói: “*Sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn*” (Thờ phụng [cha mẹ] sau khi đã chết, giống như phụng sự họ khi còn sống; thờ phụng người đã khuất như hãy còn sống). Ấy là vì Văn Vương, Vũ Vương trọn chẳng coi mình là vua của mọi người, mà hoàn toàn coi mình là con của dân chúng để phụng sự họ, luôn mong tưởng tạo ân huệ cho người thiếu số, góa vợ, góa chồng, an ủi dân, trừng phạt kẻ tàn bạo, chỉ có những điều mong mỏi của tiên nhân rạng ngời trong gan ruột.

¹⁸ Theo sách Thuyết Uyển, vua Vũ đi ra ngoài thấy tội nhân, bèn xuống xe, hỏi chuyện rồi khóc ròng. Tùy tùng can: “Gã này do chẳng thuận theo vương pháp nên thành ra như vậy, có sao bệ hạ lại đau lòng đến nỗi ấy?” Vua Vũ nói: “*Là con dân của vua Nghiêu, vua Thuấn, đều lấy cái tâm của Nghiêu, Thuấn làm tâm của mình. Nay quả nhân làm vua, bá tánh mỗi người có cái tâm riêng, cho nên đau lòng vậy*”.

¹⁹ Vương Quý là cha của Văn Vương, vốn tên là Quý Lịch. Sau khi Văn Vương (tức là Cơ Xương) lên ngôi, đã tôn cha là Vương Quý làm Thái Thượng Hoàng. Tẩm môn (寢門) là cửa phòng ngủ. Theo quy chế xưa, buồng ngủ của vua có năm tầng cửa, chư hầu có ba tầng cửa, các đại phu có hai tầng cửa. Tẩm môn là cửa trực tiếp dẫn vào nội phòng. Hằng ngày, Văn Vương ba lượt đến tẩm môn của cha để thỉnh an. Hễ nghe nội thụ (內豎, tức thái giám) báo vua cha bình an, Văn Vương sẽ hết sức vui mừng.

Vũ Vương là con của Văn Vương (Cơ Phát), khi cha bị bệnh đã không rời áo ngoài, không bỏ mả, châu hầu suốt ngày đêm, lắng nghe từng hơi thở nặng nhọc của cha.

Vâng ạ thời gian đã hết bài hôm nay chúng ta sẽ kết thúc ở đây.

(nhạc)

Chúc bạn

*Không làm các việc ác
Mỗi năm được bình an
Siêng làm các việc lành
Năm nào cũng như ý*

Website: www.duongdenhanhphuc.vn

Kênh Youtube: duongdenhanhphuc

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!